



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____

VEWL.# _____

I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM DO VAN DIEN
Last Middle First

Current Address: 26 Huynh khuong Ninh P.6 quan 1 HOCHIMINH City

Date of Birth: Jan 10-1933 Place of Birth: Thua Thien

Previous Occupation (before 1975) Colonel
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 15.6.1975 To 9.8.1987
Years: 12 Months: 5 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : DO VAN DIEN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
LE THI NGOAN	1932	Wife
DO THI MINH NGAN	Nov 3-1963	Daughter
DO THI MINH NGU	Dec 25-1965	Daughter
DO THI MINH NGO	April 11-1969	Daughter
DO NGOC DANH	May 19-1971	Son

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

HỘI GIA ĐÌNH TỰ NGƯỜI CHÍNH TRI VIỆT NAM
PO. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

INTAKE FORM (Two copies)

1. NAME : DIÊN VĂN ĐO
Last Middle First
2. DATE, PLACE OF BIRTH : Jan 10 1933 - Huế Thừa
3. SEX : Male: ☒ Female: ☐
4. MARITAL STATUS : Single: ☐ Married: ☒
5. ADDRESS IN VIETNAM :
26 Huỳnh Khương Ninh - P6, Q.1. Saigon.
6. POLITICAL PRISONER : Yes: ☒ No: ☐
If yes, from 15-6-1945 to 9/8/1987
7. PLACE OF RE-EDUCATION CAMP : Hà Nam Ninh - Bắc Việt.
8. PROFESSION : Programmer IBM.
9. EDUCATION IN US : Fort Benning Georgia - USA.
10. RVN ARMY, RANK : Col.
11. RVN GOVERNMENT, POSITION : Tỉnh trưởng Phước Long (1958-1963)
12. APPLICATION FOR CDP : Chưa có LỜI, mặc dù đã gửi một
yes: liều sau đây đến ông Bangkok đến ngày 8/88.
- IV Number: _____
No _____
13. NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING : 5 (five)
14. MAILING ADDRESS IN VIETNAM : 26 Huỳnh Khương Ninh - P6 - Q.1. Saigon
15. NAME AND ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE : No. (nhà vợ hiện cư ngụ)
16. US CITIZEN : Yes: ☐ No: ☒
17. RELATIONSHIP WITH PRISONER :
18. NAME AND SIGNATURE :
Address and Telephone of Informant: .
19. DATE :

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

PO. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

Telephone: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two copies)

IV No _____
VEWL No _____
I-171 Yes _____ No _____

1. APPLICANT IN VIETNAM: DIÊN VÂN ĐO
Last Middle First

Current Address: 26 Huyện Khố, Núi P6 / Saigon / 9

Date of Birth: 10/Jan/1933 Place of Birth: Thị trấn

Previous Occupation: (Before 1975) Sai. To, tỉnh huyện Phước Long.
(Rank and Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP: Dates: from 15/6/75
to 9/8/1987

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name

Address and Telephone

Relationship

5. NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES:

Name

Date of Birth

Relationship's PA

1. Lê Thị Ngọc	1932	vd
2. Đỗ Thị Minh Ngân	Nov/3/1963	con gái
3. Đỗ Thị Minh - Ngọc	Dec/25/1965	con gái
4. Đỗ Thị Minh - Ngọc	April/11/1969	con gái
5. Đỗ Thị Đan	May/19/1971	con trai

Dependent's Address (if different from above):

6. ADDITIONAL INFORMATION:

Xin can thiệp để được mở hồ sơ ở ODP - xin tài chính và ở Mỹ.

Date prepared: 15/12/1988

Phan

ĐO VĂN DIÊN

QUESTIONNAIRE FOR CBI APPLICANTS

CDF IV No _____

Date: _____

A. - BASIC IDENTIFICATION DATA

1. Name: **ĐỖ VĂN DIỄN**
2. Other name:
3. Date/Place of birth: **Jan-10-1933 - Thừa Thiên**
4. Residence address: **26 Huỳnh Khương Ninh - PG. 8.1. TP/HCM -**
5. Mailing address: **Đỗ Thị Minh Ngọc -**
6. Current occupation:

B. - RELATIVES TO ACCIDENTAL DEATH

Nos :	Name	DOB :	POB :	SEX :	M/S :	Address	Relation ship
1	LÊ THỊ NGOAN	1932	Thừa Thiên	F	M	26 Huỳnh Khương Ninh PG. 8.1. TP/HCM	vd
2	ĐỖ THỊ MỸ HẠNG	Nov/3/1953	Saigon	F	S	— " —	cousin
3	ĐỖ THỊ MINH NGUYỄN	Dec/25/1955	Saigon	F	S	— " —	cousin
4	ĐỖ THỊ MINH NGUYỄN	April/11/1959	Saigon	F	S	— " —	cousin
5	ĐỖ NGUYỄN ĐẠNH	May/15/1971	Saigon	M	S	— " —	cousin

C. - RELATIVES OUTSIDE VIETNAM

1. Closest relatives in the US :

Name	Relationship	Address
none		

2. Closest relatives in other foreign countries:

Name	Relationship	Address
ĐỖ THỊ MINH NGUYỄN	cousin	

D. - COMPLETE FAMILY LISTING

	Living/Dead	Address
1. Father: ĐỖ VĂN VINH	D	
2. Mother: NGUYỄN THỊ MỸ HẠNG	L	26 Huỳnh Khương Ninh - Saigon
3. Spouse: LÊ THỊ NGOAN	L	— " —
4. Former spouse (if any):	none	
5. Children:		
1 - ĐỖ NGUYỄN DŨNG	D	
2 - ĐỖ THỊ MINH NGUYỄN	L	
3 - ĐỖ THỊ MINH NGUYỄN	L	
4 - ĐỖ THỊ MINH NGUYỄN	L	
5 - ĐỖ THỊ MINH NGUYỄN	L	
6 - ĐỖ THỊ MINH NGUYỄN	L	
7 - ĐỖ THỊ MINH NGUYỄN	L	
8 - ĐỖ THỊ MINH NGUYỄN	L	
9 - ĐỖ THỊ MINH NGUYỄN	L	
10 - ĐỖ THỊ MINH NGUYỄN	L	
6. Siblings: ĐỖ NGUYỄN ĐẠNH	L	

- K102 -

A. - EMPLOYED BY US GOV. ASSIGNING OR OTHER US ORGANIZATION (IF YOU OR YOUR SPOUSE)

1. Name of person employed:
2. Date: from _____ to _____
3. Title of last position held: *none*
4. Agency/Company/Office:
5. Name of last supervisor:
6. Reason for leaving:
7. Training for job in US:

B. - SERVICE WITH CIV OR MILITARY BY YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of person serving: *Đỗ Văn Diên*
2. Date: from *April 1951* to *May 1965*
3. Last rank: *Sĩ Tá*
4. Ministry/Office/Military unit: *Tỉnh trưởng Phòng Lữ*
5. Name of supervisor: *Tôn Thất Anh, Thủ trưởng, Đ. A III*
6. Reason for leaving: *Giải ngũ*
7. Name of American Advisor: *NULSEN, Col -*
8. US training courses in US:
9. US Awards or Certificates: *none*

C. - EDUCATION OUTSIDE OF US BY YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of student training: *Đỗ Văn Diên*
2. School and School address: *Fort Benning - Georgia, USA*
3. Date: from *Jan 1956* to *July 1956*
4. Description of courses: *Advanced Course*

D. - REEDUCATION BY YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of person in reeducation: *Đỗ Văn Diên*
2. Total time in reeducation: *From 15/6/1975 to 9/8/1987*
3. Still in reeducation: *Không*

E. - ANY ADDITIONAL DETAILS

- Tôi xin được cung cấp tình hình tại định cư ở Hoa Kỳ. Theo chương trình Nhân đạo đặc biệt, danh sách nguồn VNCH, đi cải tạo từ năm 1975. (tên 12 năm), được chính phủ Mỹ thả thoát với VN.

- Tôi phải xin đi Úc, vì con gái tôi từ có chồng con, và do tôi đi gởi 1 hồ sơ đầy đủ (có giấy Ra tay) đến OBP/Bangkok lần tháng 8/88, nhưng chưa có trả lời, chưa có IV và chưa có LOI đi xin giấy Nhập Cảnh.

Signature: *[Signature]*

Date: *15-12-1988*

ĐỖ VĂN DIÊN

F. - PLEASE REE WITH ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE

- giấy ra tay tại tù.
- Thẻ và khai sinh tại tù.
- Hôn thú.
- khai sinh của vợ.
- khai sinh của 4 con.

BỘ NỘI VỤTrại Nam hồSố 01 GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban

hành theo công văn số

2565 ngày 21 tháng 11

năm 1972

010147718101254

SHSLĐ

**GIẤY RA TRẠI**

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Công an.

Thi hành án, văn, quyết định tha số 28 ngày 15 tháng 7 năm 87

Bộ nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Đỗ Văn Diễm Sinh năm 19 33

Các tên gọi khác

Nơi sinh Hương Trà, Thừa Thiên

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

26 Huỳnh Khương Ninh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Can tội Đại tá tham mưu trưởng UBKK hợp tác Lộ tống tham mưuBị bắt ngày 15/5/75 Án phạt ngangTheo quyết định, án văn số ngày tháng năm 1975 của

Bộ nội vụ

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng Nay về cư trú tại 26 Huỳnh Khương Ninh Quận 1 TP Hồ Chí Minh

Nhận xét quá trình cải tạo

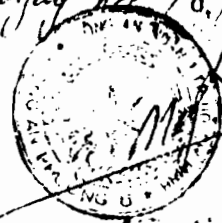
Từ ngày vào trại: Anh Diễm chưa thấy có biểu hiện

gì xấu. Trong lao động: Thuộc loại yếu, ốm luôn. Song hanh Diễm vẫn tham gia làm những việc nhẹ. Mọi quy chưasai phạm gì lớn. Học tập Tham gia đều, 3 năm liền cảitạo khá.Dương sự phải trình diện tại UBND phường, xã CA Thành phố Hồ Chí MinhTrước ngày 15 tháng 8 năm 1987

Lấn tay ngón trỏ phải

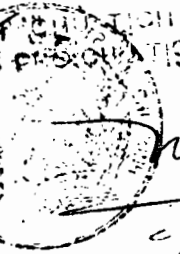
Của Đỗ Văn DiễmDanh Bào số 1000Lập tại hợpHọ, tên, chữ ký
người được cấp giấyNgày 9 tháng 8 năm 198 7
Trưởng trạiMinhChâu

Xác nhận
Đỗ Văn Diên HTCT V2
Có đến hình diện Công an phường 6 Quận 1.
Ngày 14/18/1987



Nguyễn Văn Xuân

Số 1130 / D926
CHÍNH ANH DANG Y DAN LAMINH
Xác nhận hình diện Công an phường 6 Quận 1
Ngày 14 tháng 8 năm 1987
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



nam
Nguyễn Văn Xuân

BỘ TƯ - PHÁP

VIỆT - NAM CÔNG - HOA

SỞ TƯ - PHÁP



Tòa

Chứng-Chỉ Thệ Vì Kha

Số 865

Ngày 11/8/1970

Của

DO - VAN DIEN

Năm một ngàn chín trăm bảy mươi tháng Tám

ngày Tám hồi Mười giờ

Trước mặt chúng tôi là Thưa Ta NGUYEN-CHANH-HAI

Chánh-áa Tòa Hoa Giáp Quan Hương Tra

ngồi tại văn phòng có Ông NGUYEN AN GIAT Lục sự giúp việc

Có Ông DO VAN QUOI 48 tuổi, nghề nghiệp

Cong chức trú tại Tay Loc, quan I Huê

thẻ kiểm tra số 00998911 ngày 7/7/1969 do Quan Y

Sai Gon cấp. đến trình rằng hiện không thể xin trích lục

khai sinh của DO VAN DIEN sinh ngày

hai tháng Giêng năm 1933 tại làng Van Xuan

quận Hương Tra tỉnh Thừa Thiên được vì lẽ

Sợ bị thất lạc

nên yêu cầu Bản Tòa bằng vào lời khai của các phần có tên sau đây do y dẫn đến để lập chứng chỉ thay thế chứng hộ tịch nói trên,

LIÊN ĐÓ CÓ ĐỀN TRÌNH DIỆN

1) VINH HAI 28 tuổi nghề nghiệp Cong chức

trú tại Hương Tra, Thừa Thiên

thẻ kiểm tra số 03194011 ngày 12/2/1970

do Quan Hương Tra cấp

2) TRẦN HIEN 40 tuổi nghề nghiệp Cong chức

trú tại Thanh Nội, Huê.

thẻ kiểm tra số 197.421 ngày 15/9/1962

do Quan Phú Vang cấp

NGUYEN NAM 46 tuổi, nghề nghiệp Cong chức

trú tại An Hoa, Hương Tra

thẻ kiểm tra số 072261 ngày 2/5/1962

do Quan Hương Tra cấp

Ba nhân chứng trên này sau đã tuyên thệ và nghe đọc điều 334 337 H. V

HÌNH LUẬT phạt tội ngụy chứng về việc hộ tịch, đồng cam đoan quả quyết biết

chắc tên

sinh ngày DO - VAN - DIEN

tháng Mười tháng Giêng

năm một ngàn chín trăm ba mươi ba 1933

tại làng Van Xuan quận Hương Tra

thành Thừa Thiên con ông DO VAN VINH (c) và bà

NGUYEN THI MUNG (s) hai ông, bà lấy đã chính thức lấy nhau

ĐOÀN VIÊN

ĐO - VAN - DINH

Chiang

Một người khác trong họ

Van Hien

ĐOÀN VIÊN

ĐOÀN VIÊN

ĐO VAN VINH (a)

ĐOÀN VIÊN (a)

để cấp cho người theo dõi...
Và các người khác có lý lẽ với chúng tôi...
Lúc này

(Ký tên)

NGUYỄN AN GIANG

Thị trấn SA HUYEN CHANH HAI

Những người khác:

1) VINH NAM (Ký tên)

ĐO - VAN - DINH

2) TRAN HIEU (Ký tên)

3) NGUYEN NAM (Ký tên)



CHỈ NHẬN

Thuế con niêm và trước bạ

Hiện thuế.

Huế, ngày 11 tháng 8 năm 1970

Ty-trị

Ký tên vào sổ

ngày tháng năm 197

Quyển số số số

Thước

VY. TRUONG TRUOC-BAI

CHANG

ĐOÀN VIÊN

ĐOÀN VIÊN

ĐOÀN VIÊN

ĐOÀN VIÊN

ỦY BAN NHÂN DÂN

Phường, Xã 06

Quận, Huyện I

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

TẠM THAY THẾ KHAI SINH



Họ tên đưa trẻ Lê Thị Ngọc

Trai hay gái Gái

Ngày tháng năm sinh 1932 (một ngàn chín trăm ba mươi hai)

Cha mẹ sinh ra không nhớ rõ ngày tháng

Nơi sinh Quảng Ngạn, Quảng Điền, Bình Trị Thiên

Thành phần và hoàn cảnh gia đình Tiền li dân

Họ tên tuổi Lê Cẩm 86 tuổi

Quốc tịch người cha Việt Nam

Nghề nghiệp Làm ruộng

Chỗ ở Chết 1985 tại 26 Huyện Quảng Ninh, PH. 6, Q. 1, TP HCM

Họ tên tuổi Lê Thị Sae 80 tuổi

Quốc tịch người mẹ Việt Nam

Nghề nghiệp Làm ruộng

Chỗ ở Chết 1984 tại 26 Huyện Quảng Ninh, PH. 6, Q. 1, TP HCM

Lý do không có khai sinh vào thời điểm sinh ra và lớn lên ở nông thôn không cần đến giấy khai sinh, cha mẹ lại quá mù

Xin cam đoan các lời khai nơi bản lý lịch này đúng sự thật tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có khai gian, xin cơ quan chính quyền chứng nhận để tôi tạm xử dụng trong phạm vi pháp luật hiện hành trong khi chờ đợi chủ trương của chính quyền về trường hợp này.

Ngày 28 tháng 10 năm 1980

NGƯỜI XIN KÝ TÊN

Ngọc

Người chứng thứ nhất :

Họ tên tuổi Đinh Thị Băng

Nghề nghiệp Nội trợ

Địa chỉ 106/9B Aia Cầu Lộ, P. 7, Q. Bình Thạnh

Quan hệ thế nào người khai quan hệ thân

Người chứng thứ hai :

Nguyễn Thị Mừng, 80 tuổi

Nội trợ

26 Huyện Quảng Ninh, PH. 6, Q. 1, TP HCM

mẹ chồng và là cha ruột của Lê Thị Ngọc này

Số: 2294/VPTG

Đại Nhân: Bà Lê Thị Ngọc
Hiện đang trú tại: ~~Phước Mỹ~~ ~~Phước Mỹ~~

F.E/G.1, ngày 12/11/1988

TM. U. B. N. D. PHUOC MY



CHỦ TỊCH

ỦY VIÊN THỦ KÝ

PHẠM GIA KIỀU DANH

Tỉnh: Thừa Thiên
Phủ: Huế
Làng, Phường: Phú Thành

GIẤY KHAI GIẢ THƯ

(Acte de mariage)

Số: 27.

Tên họ người chồng Nom et prénom du mari	ĐỖ VĂN DIỄN
Người chồng làm nghề gì và ở đâu (Làng, huyện, tỉnh nào) Sa profession et son domicile	Sou, Lieutenant (T.V.N.) du Régiment Duy Tân (Thừa Thiên) Thiếu úy, võ binh Trung Việt, Trung đoàn Duy Tân (Thừa Thiên)
Người chồng sanh ngày, tháng, năm nào, sanh ở đâu và chôn cất ở đâu Date et lieu de naissance	Mồng mười, tháng giêng, năm một ngàn chín trăm ba mươi ba. Dix janvier mil neuf cent trente trois à Phú Xuân, Huế.
Tên họ ông thân người chồng Nom et prénom du père du mari	ĐỖ VĂN VINH
Số tuổi người chồng, nghề nghiệp, sanh quán và chôn cất ở đâu Son âge, sa profession, son origine et son domicile	Độc lập
Tên họ bà mẹ người chồng Nom et prénom de la mère du mari	Nguyễn Thị Mừng
Bà mẹ người chồng, số tuổi, sống hay chết rồi, nghề nghiệp, sanh quán và chôn cất ở đâu Son âge, sa profession, son origine et son domicile	42 ans, commerçante, origine et domicile à Phú Xuân, Huế
Tên họ người vợ Nom et prénom de l'épouse	LÊ THỊ NGỌAN
Người vợ làm nghề gì và ở đâu (làng huyện tỉnh nào) Sa profession et son domicile	Miaagère, domicile au quartier Phú Thành, Ville de Huế. Nơi ở, Phường Phú Thành, Huế
Người vợ sanh ngày, tháng, năm nào sanh ở đâu và chôn cất ở đâu Date et lieu de naissance	Mồng một tháng 10 năm một ngàn chín trăm ba mươi hai. Premier octobre, mil neuf cent trente deux à Phú Thành, Huế
Tên họ ông thân người vợ Nom et prénom du père de l'épouse	LÊ CẨM
Ông thân người vợ, số tuổi, sống hay chết rồi, nghề nghiệp, sanh quán và chôn cất ở đâu Son âge, sa profession, son origine et son domicile	Capitaine, commandant le Régiment Duy Tân (Thừa Thiên) ans, origine du village de Thành Công - Quảng Tín Thừa Thiên

Tên họ bà mẹ vợ Nom et prénom de la mère de l'épouse	Lê thị Sắc
Bà mẹ vợ mấy tuổi, sống hay chết rồi nghề gì, sanh quán và chánh quán Son âge, sa profession, son origine et son domicile	45 ans, ménagère, originaire du village de Tân Long - Quảng Điền - Thừa Thiên Domicile à Phú Thanh, xã Lê Lợi.
Tên họ, tuổi, nghề nghiệp, chỗ ở, sinh quán và chánh quán người làm chứng thứ nhất. (Nếu cha mẹ đôi bên đều có chứng vào giấy khai này thì không cần người làm chứng) Nom et prénom, âge, profession, domicile et origine du 1 ^{er} témoin	Nguyễn thế Triết, 27 ans, aspirant G.V.N.C. du régiment Duy Tân (Thừa Thiên)
Tên họ, tuổi, nghề nghiệp, chỗ ở, sinh quán và chánh quán của người làm chứng thứ nhì Nom et prénom, âge, profession domicile et origine du 2 ^e témoin	Nguyễn Văn Dân, 29 ans, sergent G.V.N.C. du régiment Duy Tân. (Thừa Thiên)
Cưới ngày, tháng, năm nào Date du mariage	mồng một tháng mười một, năm một ngàn chín trăm năm mười hai Premier Novembre, mil neuf cent cinquante deux.
Chức làm vợ chánh, vợ kế hay vợ thứ - Femme légitime ou concubine	Femme légitime

Giấy này làm tại : Phú Thanh

Ngày ba tháng mười một năm một ngàn chín trăm
năm mười hai.

Ông Thân người chồng (1) Ông Thân người vợ (1) Bà mẹ người chồng (1) Bà mẹ người vợ (1) Nhân thế:
Trì bộ làng
(Ký tên không rõ)

Người chứng (1) Người vợ (1) Người làm chứng
thứ nhất (1) Người làm chứng
thứ nhì (1)

Trung Trích lục Trì bộ làng

Phú Thanh 1952
HỘI NHẬP QUÂN VÂN CHÍNH
Ký tên tại Long An tháng 6/51

Chúng nhân chỉ dụ của
Ủy Trưởng làng Phú Thanh
thể ngày 19 tháng 11 năm 1952
K.T. Trích Trích Thừa Thiên
Phó Trích Trích
(Ký tên và đóng dấu)



Phải biết : chỗ trống không dùng phải một nét mực.
(1) Chỗ này Trì bộ lên tên, họ người đã ký ở bên trái
trong số, chỗ không phải lấy chữ ký nữa.

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu HT3/P3

Xã, Thị trấn _____

Thị xã, Quận IThành phố, Tỉnh saigon

BẢN SAO GIẤY KHAI SINH

Số 4790

Quyền số _____

Họ và tên	<u>ĐỖ THỊ MINH NGÂN</u>		Nam, nữ <u>NỮ</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>Ngày 03 Tháng 11 Năm 1963</u>		
Nơi sinh	<u>saigon đường đường Grall</u>		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Đỗ Văn Diên</u> <u>30T</u>	<u>Lê Thị Ngươn</u> <u>30T</u>	
Dân tộc			
Quốc tịch			
Nghề nghiệp	<u>Sĩ Quan</u>	<u>Nội Trữ</u>	
Nơi ĐKNK thường trú	<u>saigon 19 Cư Xá Tân Định</u>		
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Hồ Văn Hiếu 25T</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 19 tháng 09 năm 19 88TM/UBND QT ký tên đóng dấuĐăng ký ngày 06 tháng 11 năm 19 63

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG*Nguyễn Thị Thanh Ngươn*

M&U HT3/P3

Số 6019

Quyển số

[illegible]

Họ và Tên	ĐỖ THỊ MINH NGỮ		Năm, Nữ
Sinh ngày	25.12.1965		
tháng, năm			
Nơi sinh	SAIGON Đường Đường Grall		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên tuổi (hoặc ngày,	ĐỖ Văn Diễn	Lê Thị Ngoan	
tháng, năm sinh)	32	32	
Dân tộc	//	//	
Quốc tịch			
Nghề nghiệp	Quân nhân	Nội trợ	
Nơi ĐKNK thường trú		Saigon, 19 Cư Xá Kiến Ốc	
Họ, tên tuổi nơi ĐKNK		Cục-- Tân Định	
thường trú, số giấy chứng	Lê Cẩm	57t	
minh hoặc CNCC của			
người đứng khai			

Đăng ký, ngày 30 tháng 12 năm 1965.

(ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)



KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG

Nguyễn thị Thanh Hương



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu HT3/P3

Xã, Thị trấn _____

Thị xã, Quận _____

Thành phố, Tỉnh _____

*

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số _____

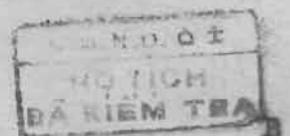
Quyền số _____

Họ và tên	Đỗ Thị Minh Ngọc		Nam, nữ	nữ
Sinh ngày tháng, năm	11 - 4 - 1969			
Nơi sinh	Đường Dương Grass			
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ		
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Đỗ Văn Diên: 36T		Lê Thị Ngoan: 36T	
Dân tộc				
Quốc tịch				
Nghề nghiệp	Quản Nhân		Hội Trại	
Nơi ĐKNK thường trú	Sài Gòn 26 Huỳnh Khương Minh			
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Cha Khai			

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày _____ tháng _____ năm 19 _____

TM/UBND

ký tên đóng dấu
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÒNG VĂN PHÒNGĐăng ký ngày _____ tháng _____ năm 19 _____
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu HT3/P3

Xã, Thị trấn _____

Thị xã, Quận _____

Thành phố, Tỉnh _____

Sài Gòn

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số _____

2056

Quyền số _____

Họ và tên	Đỗ Ngọc Danh		Nam, nữ	Nam
Sinh ngày tháng, năm	19 • 5 • 1971			
Nơi sinh	Đông Dương Orall			
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ		
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Đỗ Văn Diên : 38T		Lê Thị Ngoan : 39T	
Dân tộc				
Quốc tịch				
Nghề nghiệp	Cựu Quân nhân		Nội Trợ	
Nơi ĐKNK thường trú	Sài Gòn 26 Huỳnh Khương Minh			
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Cha Khai			

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 19 tháng 7 năm 1971

TM/CBND _____ ký tên đóng dấu

Đăng ký ngày _____ tháng _____ năm 1971

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HOÀNG



50đ

ĐƠN ĐĂNG KÝ
MỘT TỊCH
ĐÀ NIỆM TRẢ

Nguyễn Thị Thanh Ngọc

C O N T R O L

____ Card
____ ☒ Doc. Request; Form 4-4-89
____ Release Order
____ ☒ Computer 4-8-89
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter